

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BỘT MÌ BÌNH AN -VINABOMI**

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT MÌ BÌNH AN-VINABOMI

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT MÌ BÌNH AN –VINABOMI
- Tên tiếng anh: VINABOMI-BINH AN FLOUR JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: VINABOMI JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303862241. Đăng ký lần đầu ngày 29/06/2005. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10/01/2014.
- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 2623 Phạm Thế Hiển, Phường 7, Quận 8, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: + 84.8.385 69 234
- Số fax: + 84.8.385 04 657
- Website: www.vinabomi.com.vn

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Từ tháng 4 năm 2000 đến tháng 6 năm 2005 Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam ( Vinafood 2). Với tên gọi là “Công ty Bột Mì Bình An”
- Ngày 30 tháng 6 năm 2005: Doanh nghiệp chuyển sang cổ phần. với tên gọi là “ Công ty Cổ phần Bột Mì Bình An-Vinabomi”
  - + Vốn điều lệ của Công ty là 44.700.000.000 (bốn mươi bốn tỷ bảy trăm triệu đồng), trong đó vốn nhà nước chiếm 40.11%, còn lại là vốn của các cổ đông bên ngoài và người lao động trong Công ty.
- Năm 2011 Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 44.700.000.000 đồng lên 59.599.450.000 đồng.
- Ngày 31-12-2013 Công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược. Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 59.599.450.000 đ lên 120.000.000.000 đ
- Các sự kiện khác:
  - + Ngày 01/06/2007: Công ty Cổ Phần Bột Mì Bình An –Vinabomi chính thức gửi hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

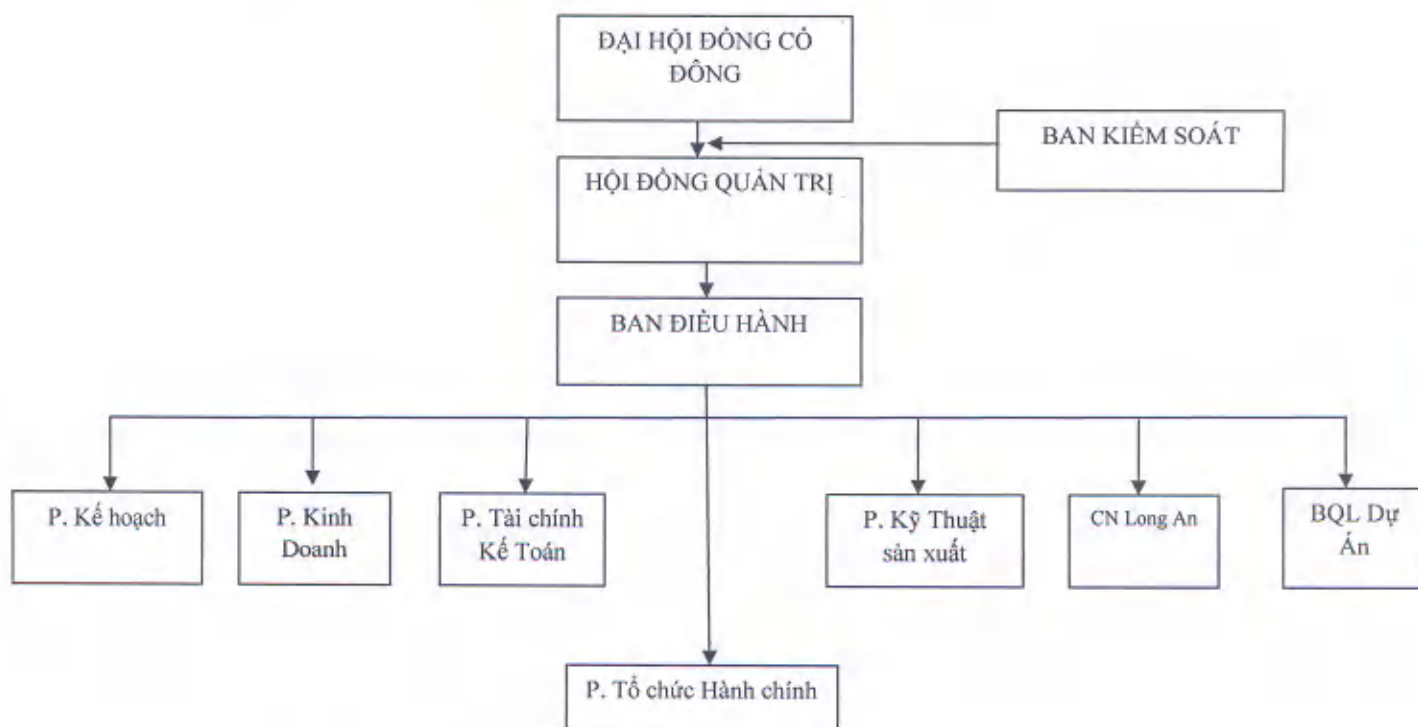
#### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất, mua bán bột mì, lúa mì, các sản phẩm từ nguyên liệu lúa mì, bột mì;

- Khai thác cảng bến thủy nội địa, dịch vụ bốc dỡ hàng hóa. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu, thóc, gạo, thực phẩm, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); phân bón. Bán lẻ lương thực, thực phẩm. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản. Nuôi trồng thủy sản nội địa. Sản xuất bao bì, sản phẩm từ plastic (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây xát lương thực (không hoạt động tại trụ sở). Lưu giữ hàng hóa trong kho. Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Thành Phố Hồ Chí Minh, Các tỉnh Miền Tây và Miền Đông.

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý.

+ Trụ sở chính của công ty đặt tại Thành Phố Hồ Chí Minh;

+ Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Bột Mì Bình An - Vinabomi – Xưởng sản xuất, đặt tại khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An.

**5. Định hướng phát triển**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận, nâng cao giá trị công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Công ty sẽ di dời nhà máy ra khỏi khu dân cư vào Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An.

+ Đầu tư mới dây chuyền sản xuất 150tấn/ngày, hiện đại để sản xuất bột mì có chất lượng cao. Nâng cấp dây chuyền hiện có để tăng công suất và chất lượng.

+ Phát triển thêm ngành hàng mới, mở rộng thị trường kinh doanh theo hướng xuất khẩu.

+ Tùy theo nhu cầu phát triển kinh doanh, Công ty sẽ tiếp tục phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ.

#### **6. Các rủi ro:**

- Giá nguyên liệu không ổn định ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thị trường tiêu thụ “cung” vượt “cầu” dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt giữa các nhà máy.
- Tỷ giá đồng USD biến động gây ra không ít khó khăn và rủi ro cho Doanh nghiệp do nguyên liệu nhập khẩu 100%.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Thị trường bột mì năm 2013 “cung” vượt “cầu” 13%, dẫn đến sức cạnh tranh gay gắt giữa các Công ty Bột Mì trên thị trường, đặc biệt là các Công ty có vốn nước ngoài. Ngoài tiềm lực về vốn, chủ động nguồn nguyên liệu, máy móc hiện đại, họ tiếp tục mở nhà máy như: Uni, Tiến Hưng, Pha Lê, ... và tăng công suất máy như: Inter, Mêkông, v.v... Vì vậy gia tăng thêm áp lực về tiêu thụ bột mì trên thị trường và cạnh tranh diễn ra trên khắp các khu vực cũng như các ngành hàng sử dụng bột mì.

Giá lúa từ đầu năm không ổn định, giá xăng dầu, điện, lương công nhân, ... đều tăng lên. Ngoài ra lãi vay ngân hàng cao, tỷ giá ngoại tệ tăng ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty.

Giá bán bột mì trên thị trường từ đầu năm đến hết tháng 12 không tăng nhưng có chiều hướng giảm, các Công ty bột mì thường xuyên đưa ra các chính sách khuyến mãi giảm giá, tặng bột, thưởng sản lượng quý, sản lượng cho đại lý đi tham quan nước ngoài và bán trực tiếp đến người sử dụng. Chính sách khuyến mãi, giảm giá của các Công ty tính từ đầu năm đến cuối năm giảm 1,000 – 1,200 đ/ kg bột.

Do tình hình kinh tế khó khăn, sức mua của người dân giảm ảnh hưởng một phần đến tình hình tiêu thụ bột mì, ngoài ra các Đại lý luôn chờ Công ty xuống giá. Chính vì vậy sản lượng tiêu thụ bột mì của Bình An sụt giảm rõ rệt.

Để giữ thị trường, chủ trương của Công ty là giữ khách hàng truyền thống, hỗ trợ nhỏ lẻ cho các khu vực khó khăn bị cạnh tranh gay gắt, không chủ động xuống giá và cạnh tranh đối đầu với các Công ty lớn có tiềm lực.

Chất lượng bột mì Bình An tương đối ổn định, đáp ứng yêu cầu người tiêu dùng. Tuy nhiên, do máy móc thiết bị thuộc thế hệ cũ tỉ lệ thu hồi bột mì thấp (75 – 80%).

Một số chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2013	TH năm 2013	Tỷ lệ % so với KH
1	Mua vào lúa mì	Tấn	78.000	74.189	95%
2	Mua vào Bột mì	Tấn	5.000	8.580	172%
3	Mua vào mặt hàng khác	Tấn	2.000	7.753	388%
4	Sản xuất bột mì	Tấn	55.000	43.074	78%
5	Bán ra	Tấn		71.999	
	- Lúa mì	“		15.170	
	- Bột mì	“	60.000	49.076	82%
6	Doanh thu	Tr/đồng	743,679	719,076	97%
7	Lãi	Tr/đồng	12,018	(52,639)	-438%
8	Nộp ngân sách	Tr/đồng	91,499	66,202	72%
9	Thu nhập NLD	Tr/đồng	9.230	7.215	78%

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Danh sách Ban điều hành:

- Ông **Lê Minh Nam**: Chủ tịch Hội đồng quản trị;  
+ Ngày sinh: 26/8/1956  
+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
+ Chức vụ hiện tại: Tổng Giám Đốc điều hành
- Ông **Nguyễn Thanh Hùng**  
+ Ngày sinh: 17/12/1957  
+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất  
+ Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc

### 2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tính đến ngày 31/12/2013 tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 173 người:

- + Lao động có trình độ từ Đại học trở lên: 48
- + Lao động có trình độ cao đẳng: 12
- + Lao động có trình độ trung cấp: 13
- + Công nhân kỹ thuật: 27
- + Lao động phổ thông: 73

- Thu nhập bình quân CBCNV năm 201: 7,215 triệu đồng/ người/ tháng
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định của Nhà nước
- Chính sách đào tạo: Công ty cử CBCNV đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo từng lĩnh vực chuyên môn nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên có tính chuyên môn, nghiệp vụ cao.
- Chế độ khen thưởng:
  - + Thưởng cho CBCNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao năm 2013.
  - + Thưởng cho CBCNV trong các dịp Lễ, Tết
- Chế độ khác: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV Công ty. Ngoài ra Công ty phối hợp với Công đoàn thực hiện các chế độ phúc lợi khác như trợ cấp khó khăn, chế độ cho lao động nữ, nghỉ mát cho CB CNV v.v...

### 3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

Công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn trong năm 2013. Chủ yếu thực hiện các hạng mục công trình nhỏ tại Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Bột Mi Bình An - Vinabomi – Xưởng sản xuất, đặt tại khu công nghiệp Long Hiệp 2, Bến Lức, Long An như: hệ thống thoát nước mưa giai đoạn 1 và một số sửa chữa nhỏ khác.

Nhìn chung, việc thực hiện các công trình được tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Sử dụng đúng nguồn vốn. Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, xong công trình nghiệm thu, quyết toán và đưa vào sử dụng.

### 4. **Tình hình tài chính**

#### 4.1 **Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng / giảm
Tổng giá trị tài sản	453,656,242,329	608,070,659,112	34.04%
Doanh thu thuần	774,186,459,409	704,718,508,840	-8.97%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3,778,407,307	(54,069,888,310)	-1331.02%
Lợi nhuận khác	1,940,512,100	1,430,033,118	-26.31%
Lợi nhuận trước thuế	5,718,919,407	(52,639,855,192)	-820.45%
Lợi nhuận sau thuế	5,718,919,407	(52,639,855,192)	-820.45%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

#### 4.2. **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0.98	0.99	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0.46	0.43	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.86	0.89	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	6.53	4.49	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	3.01	2.96	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.66	1.16	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.01	(0.07)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.07	(0.76)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.01	(0.09)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0.01)	(0.08)	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

5.1. Cổ phần:

Diễn giải	Tổng số cổ phần đang lưu hành	Trong đó	
		Số CP được chuyển nhượng tự do	Số CP bị hạn chế chuyển nhượng theo qui định
Loại cổ phiếu phổ thông	12,000,000	5,959,945	6,040,055
Loại cổ phiếu ưu đãi	Không có		

5.2. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2013:

Cơ cấu vốn	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>1. Cổ đông trong nước</b>	12,000,000	100%
a. Tổ chức	10,392,653	86,61%
b. Cá nhân	1,607,347	13,39%
<b>2. Cổ đông nước ngoài</b>	Không có	
a. Pháp nhân		
b. Cá nhân		

5.3. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Tên Công ty	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ CP sở hữu (%)	Ngành nghề
Công ty CP đầu tư khu đô thị mới Sài Gòn	77 An Dương Vương, P An Lạc A, Quận Bình Tân, TPHCM.	6,040,055	50,33	Bất động sản
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	42 Chu Mạnh Trinh, P. Bến Nghé, Q1, TP HCM	2,390,333	19,92	Xuất khẩu gạo
Công ty CP Bảo Hiểm Viễn Đông	80 Võ Văn Tần, P6, Q3, TP HCM	655,600	5,46	Bảo hiểm

5.4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2013</u>
+ Vốn chủ sở hữu đầu năm	59,599,450,000	59,599,450,000
+ Tăng vốn cổ phần trong năm	-	60,400,550,000
- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	-	60,400,550,000
+ Vốn chủ sở hữu cuối năm	59,599,450,000	120,000,000,000

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2013 Công ty đã cố gắng bám sát tình hình thị trường bột mì để đưa ra các chính sách phù hợp nhằm cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh theo từng ngày, tháng, quý. Giá lúa trên thế giới không giảm đối với loại lúa dùng làm lương thực thực phẩm, đối với lúa dùng làm thức ăn chăn nuôi giảm mạnh. Giá bột mì trong nước được các nhà máy sản xuất vẫn giảm để cạnh tranh giành thị phần. Tình hình sản xuất kinh doanh



của Công ty gặp nhiều khó khăn, sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 82% kế hoạch. Chi phí tài chính, giá thành sản phẩm cao, giá bán thấp.

Trước tình hình bất lợi Công ty đã đưa ra các biện pháp để khắc phục như thực hành tiết kiệm chi phí để giảm giá thành, khai thác các mặt hàng mới để tăng doanh thu, tăng cường mua bột có giá thấp hơn để bán, sản xuất theo nhu cầu để giữ khách hàng truyền thống.

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% năm 2013 so với 2012	% tăng, giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	708,492,806,575	755,218,203,636	93.81%	-6.19%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3,774,297,735	3,550,578,665	106.30%	6.30%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	704,718,508,840	751,667,624,971	93.75%	-6.25%
4. Giá vốn hàng bán	696,635,946,065	708,151,646,994	98.37%	-1.63%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,082,562,775	43,515,977,977	18.57%	-81.43%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	12,927,586,155	13,838,051,098	93.42%	-6.58%
7. Chi phí tài chính	43,429,772,935	39,924,273,786	108.78%	8.78%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	40,806,685,507	27,698,315,882	147.33%	47.33%
8. Chi phí bán hàng	8,723,817,813	7,235,726,308	120.57%	20.57%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22,926,446,492	18,971,245,435	120.85%	20.85%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(54,069,888,310)	(8,777,216,454)	616.03%	516.03%
11. Thu nhập khác	1,430,034,419	14,441,616,274	9.90%	-90.10%
12. Chi phí khác	1,301	407,260,713	0.00%	-100.00%
13. Lợi nhuận khác	1,430,033,118	14,034,355,561	10.19%	-89.81%
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	(52,639,855,192)	5,257,139,107	-1001.30%	-1101.30%
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	722,887,890	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(52,639,855,192)	4,534,251,217	-1160.94%	-1260.94%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8,808)	761	-	-

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	2013		2012	
	Số tiền	%	Số tiền	%
<b>A - Tài sản ngắn hạn</b>	<b>507,797,902,949</b>	<b>83.51</b>	<b>349,226,271,638</b>	<b>76.98</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	57,981,213,707	9.54	92,086,455,623	20.30
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	124,926,639,775	20.54	28,900,000,000	6.37
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	37,861,474,889	6.23	33,518,740,912	7.39
IV. Hàng tồn kho	286,478,124,997	47.11	184,819,198,081	40.74
V. Tài sản ngắn hạn khác	550,449,581	0.09	9,901,877,022	2.18
<b>B - Tài sản dài hạn</b>	<b>100,272,756,163</b>	<b>16.49</b>	<b>104,429,970,691</b>	<b>23.02</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	2,000,000	0.00	61,857,000	0.01
II. Tài sản cố định	21,657,610,121	3.56	39,218,978,430	8.65
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1,298,017,817	0.21	1,500,000,000	0.33
V. Tài sản dài hạn khác	77,315,128,225	12.71	63,649,135,261	14.03
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>608,070,659,112</b>		<b>453,656,242,329</b>	

### 2.2. Tình hình biến động của tài sản trong năm 2013:

Năm 2013 tổng tài sản tăng so với 2012 là 154,414 tỉ đồng, chủ yếu từ hai chỉ tiêu sau:

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 332,27% tương đương 96 tỉ đồng so với khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng Công ty có vay vốn, các khoản tiền gửi này được cầm cố bắt buộc để đảm bảo các khoản vay của Công ty tại ngân hàng.

Sản lượng lúa mì nhập mua năm 2013 giảm so với năm 2012 nhưng do đơn giá lúa nhập khẩu tăng cao so với năm 2012 nên đã làm cho chỉ tiêu hàng tồn kho tăng 55%, tương đương 101,65 tỉ đồng so với năm 2012.

### 2.3 Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2013	%	2012	%
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>515,451,765,395</b>	<b>84.77</b>	<b>358,105,433,420</b>	<b>78.94</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	446,604,987,363	73.45	232,814,740,228	51.32
2. Phải trả người bán	47,894,460,700	7.88	105,014,875,424	23.15
3. Người mua trả tiền trước	4,987,709,899	0.82	1,156,819,055	0.25
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3,046,017,906	0.50	4,323,785,771	0.95
5. Phải trả khác	12,918,589,527	2.12	14,795,212,942	3.26
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>23,172,000,000</b>	<b>3.81</b>	<b>31,279,700,000</b>	<b>6.90</b>
1. Phải trả dài hạn khác	2,000,000	0.00	109,700,000	0.02
2. Vay và nợ dài hạn	23,170,000,000	3.81	31,170,000,000	6.87
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>69,446,893,717</b>	<b>11.42</b>	<b>64,271,108,909</b>	<b>14.17</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>608,070,659,112</b>		<b>453,656,242,329</b>	

#### 2.4 Phân tích nợ phải trả:

Tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng và nợ dài hạn giảm so với năm 2012, trong đó chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn là yếu tố chính làm tăng tỷ trọng nợ ngắn hạn lên đến 91% so với năm 2012, nguyên nhân chỉ tiêu này tăng nhiều là do giá lúa mì nhập khẩu tăng nên tiền nợ vay ngân hàng cũng tăng thêm.

#### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Điều chỉnh, hoàn thiện các quy chế quản lý Doanh nghiệp;
- Tăng cường công tác quản lý nhân sự, tài chính, kỹ thuật;
- Tăng cường tiếp thị, tìm kiếm thị trường mới nhiều tiềm năng kinh tế hơn;
- Giảm chi phí, tiết kiệm điện trong sản xuất;
- Đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn và quản lý.

#### 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

Trên cơ sở thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của năm 2013 đã đạt được, theo dự báo về tình hình khả năng cung, cầu và tình hình diễn biến giá cả lúa mì trên Thế Giới. Căn cứ vào năng lực hiện có của Công ty, Công ty xây dựng phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, với các chỉ tiêu cơ bản, như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2013	KH 2014
1	Mua vào lúa mì	Tấn	74.198	55.000
2	Mua vào Bột mì	Tấn	8.580	10.000
3	Mặt hàng khác	Tấn	7.753	5.000
4	Sản xuất bột mì	Tấn	43.074	45.000
5	Bán ra	Tấn	71.999	65.000
	- Lúa mì	“	15.170	5.000
	- Bột mì	“	49.076	55.000
	-Mặt hàng khác	“	7.753	5.000
6	Doanh thu	Tr/đồng	719.076	710.000
7	Lãi	Tr/đồng	(52,639)	5,000
8	Nộp ngân sách	Tr/đồng	66,202	60,000

9	Thu nhập NLD	Tr/đồng	7,215	8,290
---	--------------	---------	-------	-------

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:*

Trong năm 2013 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do nguyên liệu tồn kho có giá cao, giá bán bột mì giảm (giá bán bột trên thị trường thấp hơn giá thành), doanh thu không đạt kế hoạch làm cho chi phí tài chính tăng. Bên cạnh đó Công ty gặp khó khăn về vay vốn, Công ty phải tận dụng các cơ hội để khắc phục khó khăn bằng việc thực hiện nhập ủy thác, gia công xay lúa mì, thực hiện tiết kiệm điện, tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí nhân công, quay nhanh vòng vốn vay. Công ty cũng đã khai thác thêm các mặt hàng mới để tăng doanh thu, mua bột có giá tốt để bán nhằm giữ khách hàng và giảm lỗ.

Công ty tiếp tục duy trì hợp tác và hỗ trợ các lò bánh mì liên kết với các đơn vị là thành viên của Tổng Công ty LT Miền Nam, góp phần tiêu thụ bột mì, bình ổn giá và quảng bá thương hiệu bột mì Bình An.

Sản xuất ổn định theo nhu cầu thị trường. Tiết kiệm chi phí trong vận chuyển, bốc xếp, giao nhận lúa mì.

Thường xuyên theo dõi thông tin thị trường lúa mì trong và ngoài nước để có kế hoạch nhập khẩu phù hợp, đảm bảo cho nhu cầu sản xuất của Công ty. Do tình hình giá cả không thuận lợi nên Công ty đã hạn chế nhập khẩu lúa mì trong các tháng cuối năm.

Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản: chỉ thực hiện những công trình vừa và nhỏ phục vụ cho công tác nhập khẩu và chứa lúa, đồng thời giảm bớt chi phí thuê kho ngoài.

Mặc dù Công ty đã cố gắng thực hiện nhiều biện pháp nhằm giảm lỗ nhưng lợi nhuận năm 2013 lỗ (-) 52,639 tỷ. Các chỉ tiêu đưa ra tại Đại hội đều không đạt kế hoạch. Chỉ tiêu về lợi nhuận (-) 422 % so với kế hoạch

##### 2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty:*

Ban điều hành đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Nghị quyết của hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông

Trong năm qua luôn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các nhà máy sản xuất do giá lúa mì thế giới tăng giảm thất thường. Hội đồng quản trị đã nghe báo cáo của Tổng Giám Đốc tại các kỳ họp về việc nhập lúa và điều chỉnh giá bột bán ra.

Qua quá trình giám sát Hội đồng quản trị nhận thấy trong năm 2013 Ban điều hành đã thực hiện nhiệm vụ tuân thủ theo Điều lệ và Nghị quyết của Hội đồng quản trị, xin ý kiến đối với các vấn đề vượt thẩm quyền. Thực hiện việc báo cáo, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Tổ chức, điều hành hoạt động SXKD tại Công ty.

Cố gắng duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn hiện nay để tạo việc làm và ổn định thu nhập cho cán bộ công nhân viên Công ty.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành Công ty, đặc biệt là đưa ra các giải pháp phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Giữ vững thương hiệu đối với các sản phẩm truyền thống, tăng cường bán bột mì và lúa mì, kinh doanh thêm các mặt hàng khác có lãi để tăng doanh thu và lợi nhuận.

Giám sát và chỉ đạo thực hiện việc di dời nhà máy về khu công nghiệp Long Hiệp 2, Bến Lức, Long An.

Phát triển và tìm kiếm thị trường mới nhiều tiềm năng.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị:

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: 05 người gồm có : 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 03 thành viên. Trong đó có 01 thành viên giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc điều hành Công ty.

- Ông **Lê Minh Nam** – Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc  
+ Ngày sinh: 26/8/1956  
+ Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế
- Ông **Nguyễn Hữu Thịnh** – Phó chủ tịch HĐQT  
+ Ngày sinh: 01/06/1958  
+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
- Bà **Nguyễn Xuân Lan** - Thành viên HĐQT  
+ Ngày sinh: 26/10/1951  
+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Ông **Phạm Văn Thiệt** - Thành viên HĐQT  
+ Ngày sinh: 24/5/1953  
+ Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính –Ngân hàng
- Ông **Hồ Kim Trường** - Thành viên HĐQT  
+ Ngày sinh: 10/6/1949  
+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân chính trị

### 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013 Hội đồng quản trị đã có 4 phiên họp thường kỳ và một số cuộc họp đột xuất nhằm giải quyết kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc đã báo cáo kết quả kinh doanh từng quý, báo cáo quyết toán quý 1, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2013. Báo cáo các biện pháp phát triển thị trường và định hướng kinh doanh.

Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương, giải pháp và các đề xuất của Tổng Giám Đốc, tạo điều kiện cho Tổng Giám Đốc điều hành hoạt động tại Công ty trong năm 2013.

HĐQT cũng đã có Nghị quyết cho các vấn đề sau:

- Nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2013;
- Triệu tập ĐHCĐ bất thường ngày 10/10/2013;

- Các quyết định điều hành Công ty theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013;
- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch 2014.
- Thông qua kết quả hoạt động SXKD và báo cáo tài chính quý I, II, III, IV và cả năm 2013;
- Giải quyết các vấn đề về vay vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; ủy quyền cho Tổng Giám Đốc ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng;
- Thông qua kế hoạch đầu tư XDCB năm 2013 với mức đầu tư là 2,54 tỷ;
- Chi cổ tức năm 2012 cho cổ đông Công ty.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013.
- Phê duyệt quỹ tiền lương theo kế hoạch đã trình ra ĐHĐ CĐ năm 2013;
- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, tăng vốn Điều lệ từ 59.599.450.000 đ lên 120.000.000.000 đ;
- Lựa chọn Công ty CP đầu tư khu đô thị mới Sài Gòn làm cổ đông chiến lược để phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ với giá bán là 10.000 đ/CP.

### 3. **Ban Kiểm soát:**

#### 3.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên: 01 trưởng ban kiểm soát và 02 thành viên

- Ông **Võ Công Hoàng** – Trưởng ban kiểm soát
  - + Ngày sinh: 30/07/1977
  - + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Kỹ sư xây dựng
- Ông **Nguyễn Như Khoa** – Thành viên
  - + Ngày sinh: 01/05/1976
  - + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, cử nhân kinh tế
- Ông **Nguyễn Ngọc Tuấn** – Thành viên
  - + Ngày sinh: 19/08/1958
  - + Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính kế toán

#### 3.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát hoạt động một cách chủ động theo quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, cụ thể:

Tham gia các cuộc họp cùng Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong quản trị và điều hành Công ty.

Tổ chức 3 cuộc họp Ban kiểm soát, thực hiện kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; kiểm tra các báo cáo tài chính trước khi trình Hội đồng quản trị.

Trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành

tốt nhiệm vụ. Các ý kiến của Ban Kiểm soát luôn được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc phân hồi và giải đáp thỏa đáng.

**4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

4.1. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013: không chi thù lao HĐQT và BKS trong năm 2013

4.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị

Đến thời điểm thực hiện báo cáo, các thành viên HĐQT đại diện, sở hữu 9,167,719 CP, chiếm 76,39 % vốn điều lệ Công ty.

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu hiện tại (%)
1	Ông Lê Minh Nam	Chủ tịch HĐQT	20,13
2	Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Phó chủ tịch HĐQT	50,33
3	Bà Nguyễn Xuân Lan	Thành viên	0,17
4	Ông Phạm Văn Thiệt	Thành viên	5,46
5	Ông Hồ Kim Trường	Thành viên	0,30
		<b>Tổng cộng</b>	<b>76,39</b>

4.3 Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của HĐQT: không có giao dịch

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan (đính kèm thư kiểm toán).

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (đính kèm 04 biểu báo cáo tài chính)

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Minh Nam